

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29/4/2025

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phùng Tiến Hồng.

2- Ông Phan Nam Định.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Quân Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Rah L H' N, năm sinh 1996; nơi cư trú: thôn P, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: anh Siu L1, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn P, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Rah L N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Siu L1 tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2015, đến tháng 11/2015 thì anh L1 đi chấp hành án phạt tù vì tội Trộm cắp tài sản. Cho đến đầu năm 2017 thì anh L1 ra tù và trở về tiếp tục chung sống với chị. Đến ngày 17/3/2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Từ khi chung sống và sau khi anh L1 đi chấp hành án tù về thì chị và anh L1 chung sống tại nhà của chị ở thôn P, xã I, huyện I. Vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu cho đến khoảng tháng

4/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lúc anh L1 còn đánh chị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh L1 thường xuyên ăn nhậu, chơi bời, không có trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn được nên chị và anh L1 đã sống ly thân từ cuối tháng 6/2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị và anh L1 cũng đã giải quyết việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo phong tục địa phương. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

Về con chung: chị và anh L1 có 01 con chung là Rah Lan N, sinh ngày 27/01/2016, hiện nay con đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con vì từ khi con sinh ra cho đến nay, chị là người trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nông, thu nhập ổn định, bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000 (năm triệu đồng)/tháng và chị có nhà ở ổn định nên chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 06/12/2024, bị đơn anh Siu L1 trình bày: anh đồng ý ly hôn với chị Rah L H' Nhat và đồng ý để chị N1 nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L1. Anh L1 đã được biết việc chị Rah L H' Nhat khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung nhưng anh L1 chỉ gửi đến Tòa án 01 bản tự khai. Anh L1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, anh L1 cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Rah L H' Nhat; tuyên chị Rah L N được ly hôn với anh Siu L1. Về con chung: Giao con chung là cháu Rah Lan N, sinh ngày

27/01/2016 cho chị Ntiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nghĩa vụ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Rah L Nyêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung với anh Siu L1 cư trú tại thôn P, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn anh Siu L1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Rah L Nvà anh Siu L1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2017 tại UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, chị Nvà anh L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên chị Nyêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L1. Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nvà anh L1 tại địa phương nơi anh chị sinh sống, kết quả thể hiện giữa chị Nvà anh L1 có tồn tại mâu thuẫn do anh L1 lười lao động, ham chơi, không chăm lo cho vợ con nên vợ chồng thường cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng lớn, không thể hàn gắn nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 6/2017 cho đến nay. Anh L1 có gửi đến Tòa án bản tự khai thể hiện anh đồng ý ly hôn. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải, phân tích hậu quả của việc ly hôn, động viên chị Nvề đoàn tụ gia đình nhưng không thành, anh L1 không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải. Tại phiên tòa, anh L1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Điều này chứng tỏ anh L1 không còn coi trọng và quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với chị Nnữa.

Xét thấy, chị Nvà anh L1 sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nyêu cầu xin ly hôn với anh L1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: chị Nvà anh L1 có 01 con chung là Rah Lan N, sinh ngày 27/01/2016 hiện đang sống với chị H’ Nhat. Chị Nyêu cầu được nuôi con. Nguyên vọng của cháu Rah Lan N là được ở với mẹ.

Xét điều kiện thực tế, chị Ncó công việc thu nhập ổn định. Từ khi con được sinh ra đến nay, chị Nlà người gần gũi, gần bó thân thiết và trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Con chung được chị Nchăm sóc đảm bảo, phát triển khỏe mạnh, bình thường. Trong thời gian sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay, anh L1 không trực tiếp thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Như vậy, để bảo đảm sự ổn định tâm lý và tình cảm của con, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, xem xét quyền lợi về mọi mặt của con cũng như phù hợp với nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Rah Lan N cho chị Ntiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nđã được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng chị Nkhông yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nđược chấp nhận nên chị Nphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Rah L H' Nhat, cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Rah L Nđược ly hôn với anh Siu L1.

2. *Về nuôi con chung:* giao cho chị Rah L Ntrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Rah Lan N, sinh ngày 27/01/2016 khi con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* chị Rah L Nkhông yêu cầu anh Siu L1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi việc cấp dưỡng.

4. *Về án phí*: chị Rah L N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003873 ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với nguyên đơn có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- UBND xã Ia Trok;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Nga